

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 134/2024/HS-ST
Ngày 22 - 8 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Lợi và bà Lê Thị Sinh Chi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Toà án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 131/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXX-HS ngày 08 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Xuân T**, sinh ngày 25/6/1989, tại tỉnh T1; nơi đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện V1, tỉnh T1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2 và bà Nguyễn Thị M; vợ là chị Bùi Thị N và có 01 con (đã chết); tiền án: Bản án số 129/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T1, xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/8/2022, chấp hành xong án phí ngày 08/9/2022; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/5/2024, tạm giam từ ngày 03/6/2024 đến nay, trích xuất có mặt.

* Người làm chứng: Anh Vũ Văn T3, sinh năm 1991, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn 2, xã V2, huyện V1, tỉnh T1.

* Người chứng kiến: Anh Lê Văn S, sinh năm 1991, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn T4, xã T5, thành phố T1, tỉnh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 28/5/2024, bị cáo Trần Xuân T thuê anh Vũ Văn T3 là người chở xe ô tô chở bị cáo lên khu vực Quảng Trường 14/10, thành phố T1, tỉnh T1. Đến nơi bị cáo T đi bộ vào trong sân Quảng Trường, bị cáo mua của một người nữ giới không biết họ và tên, địa chỉ, 01 túi ma túy loại Heroine, giá 1.000.000 đồng, sau đó bị cáo đi ra khu vực anh Vũ Văn T3 đứng chờ để anh T3 chở bị cáo về nhà. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, khi anh T3 đang chở bị cáo đi trên đường T6 thuộc khu vực tổ 02, phường L, thành phố T1, tỉnh T1, thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, yêu cầu anh T3 dừng xe để kiểm tra người và phương tiện. Trước sự chứng kiến của người chứng kiến, bị cáo T tự giác lấy từ túi quần bên phải phía trước của bị cáo T đang mặc ra 01 túi trong suốt có mép cài, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục giao nộp cho tổ công tác và khai nhận đó là ma túy loại Heroine của bị cáo, bị cáo vừa mua được để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác niêm phong vật chứng trong phong bì rồi kiểm tra người bị cáo, người đi xe ô tô là anh Vũ Văn T3 và xe mô tô nhưng không phát hiện, không thu giữ gì. Tổ công tác yêu cầu bị cáo T cùng người làm chứng và mời người chứng kiến về Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thực hiện các thủ tục khác theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 726/KL-KTHS ngày 03/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu vật quản lý của Trần Xuân T gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có khối lượng 2,3991 gam (*Hai phẩy ba nghìn chín trăm chín mươi một gam*)”.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng và người chứng kiến khai phù hợp với lời khai của bị cáo.

Cáo trạng số 135/CT - VKSTPTB ngày 23/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo.

Kiểm sát viên luận tội: Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ, xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1, 5 Điều 249; khoản 2 Điều 35; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Xuân T mức án từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 28/5/2024. Phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý vật chứng bằng hình thức: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo T hoàn lại sau giám định.

- Về án phí: Bị cáo Trần Xuân T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Xuân T xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp

[2] Căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Cáo trạng đã truy tố, đồng thời còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Bản Kết luận giám định; Lời khai của người làm chứng và người chứng kiến; cùng các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh về hành vi phạm tội của bị cáo thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 28/5/2024, tại đường T6, thuộc khu vực tổ 02, phường L, thành phố T1,

tỉnh T1, bị cáo Trần Xuân T có hành vi tàng trữ trái phép trên người 01 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 2,3991 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Xét, bị cáo biết các tác hại do ma túy gây ra và hiểu rõ các quy định của pháp luật về việc nghiêm cấm đối với mọi hành vi liên quan đến ma túy, song để đạt được nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Điều 249 - Tội tàng trữ trái phép chất ma túy: *“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) ...; c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ... 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”*. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Xuân T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội danh đã phạm. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt của Điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã cố ý xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy, đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe của con người cũng như ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội nên cần xét xử bị cáo nghiêm minh.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo có 01 tiền án tại bản án số 129/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt bị cáo 01 năm tù về cùng tội, bị cáo chưa được xóa án tích thì tiếp tục có hành vi phạm tội mới nên xét xử hành vi này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Song, cũng xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, do đó, khi quyết định hình phạt bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là phạt tù có thời hạn - buộc bị cáo

cách ly ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo đã 01 lần bị Tòa án xét xử và áp dụng về cùng tội nhưng không tiếp thu cải sửa nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của 01 người nữ giới, bị cáo không biết tên, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xử lý người bán ma túy cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Số ma túy loại Heroine thu giữ của bị cáo được hoàn lại sau giám định, là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Xuân T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[10] Đối với anh Vũ Văn T3 là người bị cáo thuê chở xe ôm, bị cáo không nói cho anh T3 biết chở bị cáo đi đâu, làm gì, anh T3 không biết hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình không xử lý anh T3 là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; khoản 2 Điều 35; Điều 38; khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 03 (ba) năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 28/5/2024. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy loại Heroine thu của bị cáo Trần Xuân T hoàn lại sau giám định và bao gói.

Vật chứng và tài sản khác có đặc điểm như ghi tại: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 28/5/2024, Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 28/5/2024; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, ngày 24/7/2024.

6. Án phí: Buộc bị cáo Trần Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/8/2024.

8. Quyền thi hành: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hân

